

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đề án Quy hoạch chi tiết cải tạo và xây dựng
Khu dân cư khu vực 5 và 6 phường IV, thành phố Vị Thanh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 12 tháng 06 năm 2019 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt đề án quy hoạch chung thành phố Vị Thanh và vùng phụ cận, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040;

Căn cứ Công văn số 210/UBND-XD ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh về việc cho chủ trương điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu dân cư khu phường IV (Khu A), thành phố Vị Thanh;

Căn cứ Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh về việc phê duyệt nhiệm vụ đề án **Quy hoạch chi tiết cải tạo và xây dựng Khu dân cư khu vực 5 và 6, phường IV, thành phố Vị Thanh;**

Căn cứ Công văn số 1984/SXD-QHKT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Sở Xây dựng tỉnh Hậu Giang về việc ý kiến phê duyệt đề án **Quy hoạch chi tiết cải tạo và xây dựng Khu dân cư khu vực 5 và 6, phường IV, thành phố Vị Thanh;**

Xét Tờ trình số 1169/TTr-QLĐT ngày 29 tháng 10 năm 2019 của phòng Quản lý đô thị thành phố Vị Thanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án Quy hoạch chi tiết cải tạo và xây dựng Khu dân cư khu vực 5 và 6, phường IV, thành phố Vị Thanh, với các nội dung sau:

1. Tên đồ án quy hoạch

Quy hoạch chi tiết cải tạo và xây dựng Khu dân cư khu vực 5 và 6, phường IV, thành phố Vị Thanh.

2. Vị trí và phạm vi giới hạn

Khu đất quy hoạch có diện tích khoảng 31,97ha thuộc khu vực 5, khu vực 6, phường IV, thành phố Vị Thanh (trên cơ sở điều chỉnh đồ án thiết kế quy hoạch chi tiết chia lô tỷ lệ 1/500 khu dân cư phường IV, thị xã Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ), có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Nam giáp đường Nguyễn Huệ.
- Phía Đông Bắc giáp kênh Cái Nhum.
- Phía Tây Bắc giáp đường Nguyễn Trãi.
- Phía Tây Nam giáp kênh Tắc Huyện Phương.

3. Quy mô diện tích và dân số

- Diện tích khu đất quy hoạch 27,79ha.
- Dân số dự kiến 6.500 người.

4. Cơ cấu quy hoạch

Nhằm xây dựng Khu dân cư đô thị đảm bảo các chức năng về môi trường sống tiện nghi, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn, phù hợp về bán kính, các tiêu chuẩn để phục vụ,... đồng thời đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất, chi phí đầu tư xây dựng. Khu đất quy hoạch được phân khu chức năng gồm các thành phần sau: Đất ở, đất công trình công cộng, đất cây xanh, đất mặt nước, đất giao thông và hẻm kỹ thuật.

Vị trí và quy mô các khu chức năng sẽ được bố trí hợp lý để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các khu chức năng với nhau, đảm bảo mỹ quan, đồng bộ về cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho đời sống hàng ngày của người dân một cách tối ưu nhất. Trên cơ sở đó, trong đồ án quy hoạch này có phân khu chức năng, tính chất sử dụng đất được bố trí chủ yếu như sau:

- Đất ở.
- Đất ở kết hợp thương mại dịch vụ.
- Đất giáo dục.

- Đất tôn giáo.
- Đất hành chính công cộng.
- Đất công viên cây xanh - mặt nước.

5. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

Từ cơ cấu được phân bố như trên, quy hoạch sử dụng đất đưa ra các chỉ tiêu cụ thể cho từng khu chức năng được thống kê như sau:

Bảng cân bằng đất đai

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	184.877	57,83
	<i>Đất dân cư mật độ cao</i>	32.007	10,01
	<i>Đất dân cư tự cải tạo</i>	152.870	47,81
2	Đất ở kết hợp TMDV	7.853	2,46
3	Đất giáo dục	6.578	2,06
	<i>Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt</i>	6.578	2,06
4	Đất Tôn giáo (Nhà thờ Tin lành)	774	0,24
5	Đất hành chính công cộng	8.285	2,59
	<i>Khu Hành chính UBND phường IV</i>	8.127	2,54
	<i>Ban Chỉ huy quân sự phường IV</i>	158	0,05
6	Cây xanh	8.809	2,76
	<i>Cây xanh ven kênh</i>	8.809	2,76
7	Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật	110.394	34,53
	TỔNG CỘNG	319.717	100,00

6. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

Trên cơ sở đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, **đồ án quy hoạch chung thành phố Vị Thanh và vùng phụ cận, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040**, quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị và thực trạng về tình hình quản lý đô thị và tình hình xây dựng của người dân địa phương, phương án quy hoạch mới được đề xuất trên cơ sở có kế thừa, chọn lọc, bố trí các khu chức năng, các công trình công cộng, hệ thống giao thông và bộ mặt kiến trúc cảnh quan đô thị phát huy được tính đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, mỹ quan đô thị,... bố trí hệ thống giao thông, cây xanh đảm bảo và đáp ứng yêu cầu theo quy định về các tiêu chuẩn đối với Khu đô thị. Trong phương án quy hoạch các khu chức năng được bố trí cụ thể như:

6.1. *Đất dân cư tự cải tạo*: Diện tích **152.870m²** được bố trí tại lô đất ký hiệu TCT01 ÷ TCT18 dọc Nguyễn Huệ, đường Nguyễn Trãi, đường Lý Thường Kiệt và theo các tuyến đường nội bộ khu quy hoạch.

- Tầng cao xây dựng: 1 ÷ 4 tầng.
- Chiều cao tầng trệt 4,2m, các tầng còn lại 3,6m.
- Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện +2,15m.
- Độ vưon ban công so với chỉ giới xây dựng 1,2m.
- Khoảng lùi xây dựng công trình:

+ Trùng với chỉ giới đường đỏ.

+ Đối với các đường giao thông trong các lô dân đất tự chỉnh trang thì chỉ giới xây dựng quản lý theo Công văn 745/UBND-XD ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh.

- Mật độ xây dựng quy định như sau:

Diện tích lô đất thổ cư (m ²)	≤50	75	100	200	300	500	≥1000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	80	70	60	50	40

6.2. Đất ở kết hợp thương mại dịch vụ: Là công trình hiện hữu được giữ lại để phục vụ người dân kinh doanh, diện tích khoảng 7.853m² được bố trí tại lô đất ký hiệu MT0-01, MT0-02 dọc đường Nguyễn Huệ.

- Tầng cao xây dựng: 1 ÷ 4 tầng.
- Chiều cao tầng trệt 4,2m, các tầng còn lại 3,6m.
- Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện +2,15m.
- Độ vưon ban công so với chỉ giới xây dựng 1,2m.
- Khoảng lùi xây dựng công trình: Trùng với chỉ giới đường đỏ.
- Mật độ xây dựng quy định như sau:

Diện tích lô đất thổ cư (m ²)	≤50	75	100	200	300	500	≥1000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	80	70	60	50	40

6.3. Đất ở liên kế mật độ cao: Bố trí tại lô đất ký hiệu A1, A2, B1÷ B4, C1, C2, C3, D1, D2 dọc theo đường Nguyễn Huệ, đường số 1, đường số 2, các tuyến đường nội bộ khu quy hoạch, tổng diện tích đất là khoảng 32.007m².

- Tầng cao xây dựng: 1 ÷ 4 tầng.
- Chiều cao tầng trệt 4,2m, các tầng còn lại 3,6m.
- Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện +2,15m.
- Độ vưon ban công so với chỉ giới xây dựng 1,2m.
- Khoảng lùi xây dựng công trình: Cách chỉ giới đường đỏ 6m.
- Mật độ xây dựng: ≤ 60%.

6.4. *Đất công trình công cộng (trụ sở phường IV)*: Diện tích 8.127m² bố trí tại lô đất ký hiệu HC, nằm tiếp giáp đường Nguyễn Trãi, rạch Cái Nhum, đường Lý Thường Kiệt, đường Nguyễn Trãi.

- Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.
- Tầng cao xây dựng: 1 ÷ 5 tầng.
- Cao độ nền công trình so với sân và chiều cao công trình: được quyết định bởi kiến trúc công trình.
- Khoảng lùi xây dựng công trình: Cách chỉ giới đường đỏ $\geq 5m$.

6.5. *Đất trường Tiểu học*: Diện tích 6.578m² bố trí tại lô đất ký hiệu TH, nằm tiếp giáp đường đường số 1, đường số 2, đường số 4.

- Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.
- Tầng cao xây dựng: 1 ÷ 5 tầng.
- Cao độ nền công trình so với sân và chiều cao công trình: được quyết định bởi kiến trúc công trình.
- Khoảng lùi xây dựng công trình: Cách chỉ giới đường đỏ $\geq 5m$.

6.6. *Đất công trình tôn giáo (Nhà thờ Tin Lành)*: Là công trình hiện hữu được giữ lại để phục vụ các tín đồ, người dân theo đạo. Trên cơ sở định hướng quy hoạch và mở rộng lộ giới theo quy hoạch chung, sau khi trừ lộ giới tổng diện tích đất còn lại khoảng 744m², bố trí tại lô đất ký hiệu số 03, nằm tiếp giáp đường Nguyễn Huệ, khi chỉnh trang xây dựng mới, cải tạo tuân thủ theo quy định.

- Tầng cao xây dựng: 1 ÷ 5 tầng.
- Cao độ nền công trình so với sân, chiều cao công trình, khoảng lùi xây dựng công trình: được cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định bởi kiến trúc công trình.
- Mật độ xây dựng: Trường hợp cải tạo chỉnh trang mà không tăng mật độ xây dựng và tầng cao thì giữ nguyên theo hiện trạng. Trường hợp tăng mật độ xây dựng hoặc tầng cao hoặc phá đi xây lại phải tuân theo quy định về mật độ xây dựng nêu trong mục 2.8.6 của Quy chuẩn QCVN 01:2008/BXD.

6.7. *Đất Ban Chỉ huy Quân sự phường IV*: Là công trình hiện hữu được giữ lại phục vụ người dân, diện tích 158m² bố trí tại lô đất ký hiệu 04, nằm tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt, khi chỉnh trang xây dựng mới, cải tạo tuân thủ theo quy định.

- Tầng cao xây dựng: 1 ÷ 4 tầng.
- Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện +2,15m.
- Độ vưon ban công so với chỉ giới xây dựng 1,2m.
- Khoảng lùi xây dựng công trình: Trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Mật độ xây dựng: Trường hợp cải tạo chỉnh trang mà không tăng mật độ xây dựng và tăng cao thì giữ nguyên theo hiện trạng. Trường hợp tăng mật độ xây dựng hoặc tăng cao hoặc phá đi xây lại phải tuân theo quy định về mật độ xây dựng nêu trong mục 2.8.6 của Quy chuẩn QCVN 01:2008/BXD.

6.3. Đất công viên cây xanh - mặt nước:

Đất công viên cây xanh - mặt nước trong khu quy hoạch có tổng diện tích 8.809m². Bố trí tại lô đất có ký hiệu CX1, CX2 là công viên vườn hoa, sân tập thể dục thể thao cho khu ở được bố trí trong khu ở và ven kênh, tạo không gian thông thoáng, góp phần cân bằng sinh thái, cải tạo môi trường **vi khí hậu** và tạo cảnh quan đô thị trong khu dân cư.

- Mật độ xây dựng tối đa: 10%.
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 0,1.
- Tầng cao xây dựng công trình: 01 tầng.

* Tất cả nhà ở phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Không xây dựng kiến trúc tạm trên sân thượng, ban công, lô gia.
- Trang thiết bị trên mái nhà như bồn chứa nước và các thiết bị khác phải đặt phía sau hay bên trong mái hoặc các loại mái giả tương tự.

- Không được xây thêm các kiến trúc chắp vá bám vào kiến trúc chính như vẩy thêm mái bám vào kiến trúc chính, tường rào, mái che cố định; làm kiến trúc tạm trên sân thượng, ban công, lô gia.

- Mặt ngoài nhà (mặt tiền, mặt bên) không được sơn quét màu và trang trí các chi tiết phản mỹ thuật có độ phản quang không được lớn hơn 70%.

- Tường rào phải có hình thức kiến trúc thoáng nhẹ, tạo vẻ mỹ quan và tuân thủ các yêu cầu sau:

- + Hàng rào không được phép xây dựng vượt ngoài ranh giới (kể cả móng) chiều cao tối đa của tường rào 2,4m đối với nhà ở mật độ thấp và 1,8m đối với nhà ở liền kề (tính từ mặt vỉa hè hiện hữu ổn định tại địa điểm xây dựng, chiều cao, kiến trúc tường rào phải đồng bộ).

- + Phần tường rào giáp với đường phố từ độ cao 0,8m trở lên phải thiết kế trống thoáng. Phần trống thoáng này tối thiểu chiếm 60% mặt phẳng đứng của tường rào.

- + Cổng vào công trình: Không được phép mở cửa ra ngoài chỉ giới đường đỏ.

- Vật quảng cáo độc lập ngoài trời hoặc gắn với các công trình kiến trúc phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về quảng cáo. Nghiêm cấm việc đặt các bảng quảng cáo không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

Các quy định chi tiết về quản lý xây dựng (mật độ xây dựng, tầng cao, khoảng lùi,...) được xác định cụ thể trong bản vẽ.

Việc quản lý xây dựng các công trình trong khu quy hoạch được căn cứ vào quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn quy phạm và các văn bản pháp quy khác có liên quan.

7. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a. San nền và nền nhà hoàn thiện:

Cao độ san nền +1,60m (So với cao độ Nhà nước).

b. Giao thông:

- Chiều rộng mặt đường thiết kế tối thiểu 2 làn xe, mỗi làn xe rộng tối thiểu 3,5m đối với đường nhóm nhà ở, đường vào nhà, đường khu vực, đường phân khu vực.

- Tên đường được tạm thời đặt tên theo bản vẽ giao thông.

- Cao độ gờ bó vỉa: +1,75m (Cao độ Nhà nước).

- Căn cứ các quy định tại Mục 4.3 Quy hoạch giao thông đô thị của “Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng”.

- Bán kính bó vỉa tại các giao lộ: $R \geq 8m$ và $R \geq 12m$.

- Vát góc công trình tại vị trí giao lộ được căn cứ theo Mục 4.3.4 của “Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng”.

- Độ dốc mặt đường là 2%, Kết cấu mặt đường thảm nhựa 2 lớp trên móng đá dăm cấp phối.

- Vỉa hè trồng cây xanh, có độ dốc 1,5% lát gạch bê tông tự chèn.

- Mặt cắt chi tiết các đường theo bảng sau:

Bảng quy hoạch tên đường và lộ giới

STT	Tên đường	Kích thước (m)			Chiều dài (m)	Lộ giới (m)
		Vỉa hè (trái)	Lòng đường	Vỉa hè (phải)		
1	Đường Nguyễn Huệ	8	15	(10-12)	1.294	33-35
2	Đường Nguyễn Trãi	8	12	8	1.167	28
3	Đường Lý Thường Kiệt	5	9	5	256	19
4	Đường số 1	6	10	6	1.258	22
5	Đường số 2	4	8	4	1.227	16
6	Đường số 3	2	6	2	321	10
7	Đường số 4	4	8	4	252	16
8	Đường số 5	8	15	8	289	31
9	Đường số 6	4	8	4	312	16

STT	Tên đường	Kích thước (m)			Chiều dài (m)	Lộ giới (m)
		Via hè (trái)	Lòng đường	Via hè (phải)		
10	Đường số 7	4	7	4	286	15

b. Cấp nước:

- Nguồn nước phải đảm bảo các yêu cầu về nước sạch, yêu cầu về áp lực và lưu lượng. Nguồn nước phục vụ khu quy hoạch được lấy từ tuyến ống của trạm cấp nước thành phố Vị Thanh cung cấp.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt là 120 lít/người.ngàynđêm

- Tuyến ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông, nằm phía trước các lô đất để thuận tiện cho việc cung cấp nước. Đặt các tuyến cấp nước theo quy hoạch và mạng cấp nước khép kín, để nước có thể cấp nước theo hai chiều.

- Ống cấp nước sử dụng ống nhựa PVC $\bar{60}$, $\bar{114}$, $\bar{150}$, $\bar{200}$.

- Trên mạng cấp nước có bố trí các trụ cứu hoả đặt tại ngã 3, ngã 4 để thuận lợi cho việc cấp nước chữa cháy. Khoảng cách bình quân khoảng 100-150m/Trụ.

d. Thoát nước:

- Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt vận hành độc lập, nước mưa được vận chuyển trong hệ thống cống kín, bố trí dọc theo trục đường giao thông. Các tuyến thoát nước mưa đường phố nằm dưới vỉa hè dọc theo các trục đường giao thông sử dụng cống bê tông cốt thép đúc sẵn $\bar{400}$, $\bar{600}$, $\bar{800}$.

- Thoát nước thải sinh hoạt: Hiện nay, hệ thống thoát nước sinh hoạt tại địa bàn thành phố Vị Thanh triển khai chưa hoàn chỉnh, nước mưa và nước thải sinh hoạt hầu hết đều xả thẳng ra kênh rạch, sông ngòi xung quanh làm ô nhiễm nguồn nước mặt. Do đó, để bảo vệ môi trường thì nước thải sinh hoạt cần phải được xử lý đạt tiêu chuẩn loại A (theo QCVN 14:2008/BTNMT và TCVN 7222-2002) rồi mới được xả ra kênh rạch, sông ngòi. Để làm được điều này, nước thải sinh hoạt cần có hệ thống thu gom và dẫn về trạm xử lý tập trung.

Trong giai đoạn trước mắt do tại địa bàn thành phố Vị Thanh chưa được xây dựng nhà máy xử lý nước thải, tạm thời có thể xem xét thoát nước sinh hoạt sử dụng chung vào hệ thống thoát nước mưa. Đến, khi nhà máy xử lý nước thải của thành phố Vị Thanh đưa vào vận hành thì nước thải sinh hoạt theo hệ thống thu gom và dẫn về trạm xử lý tập trung đã được quy hoạch.

e. Cấp điện và chiếu sáng:

- Nguồn điện: Định hướng tuyến điện trung thế 22kv chạy dọc theo đường Nguyễn Huệ, đường Nguyễn Trãi, đường Lý Thường Kiệt kéo điện hạ thế đến các hộ gia đình và công trình sử dụng.

+ Tuyến điện hạ thế 0,4kv được xây dựng mới và đi ngầm dưới vỉa hè. Sử dụng dây dẫn và các phụ kiện đúng theo tiêu chuẩn Việt Nam (trong thời gian đầu, do điều kiện kinh tế chưa cho phép thì sử dụng đường dây nổi, dùng cáp vặn xoắn hoặc cáp bọc nhựa đi trên trụ bê tông ly tâm).

+ Dây hạ thế sử dụng dây lõi đồng có lớp cách điện phù hợp với điều kiện đặt ngầm. Dây được đặt nằm dưới vỉa hè dọc theo các trục đường giao thông trong các ống bảo vệ hoặc đặt trong các hào cáp, được chôn sâu trong đất từ 0,7 - 1m so với mặt đường. Phía trên cáp cần có lớp bảo vệ cáp và báo hiệu cáp ngầm.

- Chiếu sáng:

+ Mạng điện chiếu sáng được thiết kế riêng biệt với hệ thống điện sinh hoạt và được điều khiển bật tắt tự động bằng các tủ điện riêng.

+ Chiếu sáng đường phố bằng đèn cao áp, ánh sáng vàng cam, có công suất từ 150- 250W. Hệ thống chiếu sáng phải đảm bảo độ rọi tối thiểu trên mặt đường lớn hơn hoặc bằng 5(lux) và độ rọi trên vỉa hè lớn hơn hoặc bằng 3(lux)..

+ Các đèn chiếu sáng được đặt trên trụ thép tráng kẽm có độ cao 8-9m và được bố trí dọc theo các tuyến đường. Trụ đèn được đặt sát mép trong gờ bó vỉa, có khoảng cách trung bình các trụ đèn chiếu sáng từ 20-40m (tùy theo bề rộng mặt đường mà bố trí khoảng cách giữa các trụ cho phù hợp).

f. Thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc khu quy hoạch sẽ là 1 hệ thống được ghép nối vào mạng viễn thông của thành phố Vị Thanh.

- Mạng lưới cáp thông tin liên lạc trong khu quy hoạch chủ yếu sử dụng loại cáp có dầu chống ẩm đi trong cống bê (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5mm.

- Các tuyến cống bê đi ngầm sẽ có dung lượng là 2÷4 ống PVC 114x5mm được đi dưới vỉa hè trong khu vực thiết kế. Khoảng cách các bể cáp trung bình từ 70m đến 120m.

- Những vị trí lắp đặt cống cáp qua đường thì lắp ống nhựa PVC chịu lực có đường kính 114 độ dày 6,8mm chôn sâu trên 1,0m.

Điều 2. Giao phòng Quản lý đô thị chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường IV tổ chức công bố đồ án Quy hoạch chi tiết chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày ký Quyết định. Đồng thời thông báo kịp thời cho nhân dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện tốt việc sử dụng đất và quản lý xây dựng theo quy hoạch và phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành có liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định phê duyệt đồ án này là văn bản điều chỉnh cục bộ của đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm thị xã Vị Thanh, tỉnh

Hậu Giang được phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố Vị Thanh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường IV và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng;
- Như Điều 4 (7);
- Lưu: VT, QLĐT.